TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2026/DS-ST
Ngày: 18-6-2026
"V/v tranh chấp hợp đồng mượn tài sản và hợp đồng vay"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Thị Kiều Oanh**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Vũ Thị Đào
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Đoan

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang tham gia phiên toà:* bà Thị Kim Lài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 315/2025/TLST-DS, ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc "tranh chấp hợp đồng mượn tài sản và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 191/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2026 giữa:

*** Nguyên đơn**: ông Nguyễn Văn M, sinh ngày 19/9/1974 (có mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh A.

*** Bị đơn**: ông Bùi Thanh L, sinh này 01/01/1971 (có mặt)
Bà Ngô Thị D, sinh ngày 15/8/1979 (Có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh A.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**
Lê Thị Bích E, sinh ngày 13/10/1982 (có mặt)
Địa chỉ: ấp P, xã G, tỉnh A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 17/9/2025 và bản tự khai cùng với lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M như sau:**

Ông và vợ chồng ông L, bà D là chổ quen biết nên trong năm 2024 ông có cho ông L mượn tiền ba lần và có viết biên nhận mượn tiền, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất ngày 17/8/2024 mượn số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), ông L hẹn trong 20 ngày trả;

- Lần thứ hai ngày 04/9/2024 mượn số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), ông L hẹn 01 tháng trả;

- Lần thứ ba ngày 24/10/2024 mượn số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), ông L hẹn trong 02 tháng trả.

Tổng cộng 3 lần ông L mượn tiền ông M là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng); đến ngày 09/10/2024 ông L có chuyển trả vào số tài khoản của vợ ông M tên Lê Thị Bích E số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), ngoài ra không ông L, bà D không trả được thêm khoản nào, do hết thời gian mượn mà ông L không trả tiền nên ông M có yêu cầu vợ chồng ông L trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng ông L, bà D ko trả nên ông M khởi kiện đến Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông M cũng thừa nhận trong 03 biên nhận đều thể hiện nội dung mượn tiền và có thời gian trả, tuy nhiên hết thời gian mượn mà ông L không trả nên ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà D1 phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tính lãi suất 0,75%/tháng, thời gian tính lãi bắt đầu tính từ ngày 24/12/2024 đến ngày xét xử ngày 18/6/2026 là 17 tháng 25 ngày bằng 230.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 17 tháng 25 ngày bằng 30.762.500đồng. Ông L nợ ông M tổng cộng gốc và lãi bằng 260.762.500đồng nhưng ông M đồng ý khấu trừ vào số tiền mà vợ ông đã nhận 10.000.000đồng nên ông L, bà D còn có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 250.762.500 đồng (Trong đó, nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi 20.762.500 đồng).

Ngoài ra, ông M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi vượt quá quy định số tiền 117.737.500đồng và ông M không yêu cầu vợ chồng ông L trả khoản tiền này.

Tại phiên tòa, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bùi Thanh L và bà Ngô Thị D phải trả cho ông M tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi 250.762.500 đồng (Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) (Trong đó, nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi 20.762.500 đồng) trả đủ một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; ngoài ra, ông M không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Bùi Thanh L trình bày**:

Ông thừa nhận có nợ của ông Nguyễn Văn M 03 lần tổng cộng là 230.000.000đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) theo 03 biên nhận (ngày 17/8/2024 vay số tiền là 60.000.000 đồng; ngày 04/9/2024 vay số tiền là 120.000.000 đồng và ngày 24/10/2024 vay số tiền là 50.000.000 đồng) là đúng sự thật. Đến ngày 09/10/2024 ông L có chuyển vào số tài khoản 070137948700 mở ngân hàng S của Lê Bích Thị Bích E là vợ của ông M số tiền 10.000.000 đồng, ngoài ra vợ chồng ông không trả được thêm khoản nào, vợ ông tên là Ngô Thị D. Nay ông M khởi kiện ông thì ông thừa nhận còn nợ ông M số tiền gốc 230.000.000đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), tuy nhiên ông L yêu cầu Tòa án khấu trừ vào số tiền mà ông đã chuyển cho bà Bích E là 10.000.000 đồng còn lại vợ chồng ông đồng ý trả 220.000.000đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) nhưng do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng ông hiện nay rất khó khăn nên không có khả năng trả đủ số tiền nợ này và vợ chồng ông yêu cầu xin không trả lãi, còn thời gian trả nợ gốc thì ông L hẹn khi nào ông bán được đất hoặc thu được nợ của những người khác nợ vợ chồng ông thì vợ chồng ông sẽ trả đủ tiền nợ này cho ông M nhưng không hẹn thời gian

chính xác. Ngoài ra, ông L không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai cũng như tại phiên hòa giải bị đơn bà Ngô Thị D trình bày**: Chồng bà tên Bùi Thanh L có thiếu tiền nợ gốc của ông Nguyễn Văn M bằng 230.000.000đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), bà không nhớ là chồng nợ từ ngày tháng nào mà chỉ biết nợ từ năm 2024 nhưng ông L co chuyển trả cho vợ ông M được 10.000.000 đồng nên bà yêu cầu khấu trừ váo số tiền gốc, xem như vợ chồng bà còn nợ ông M 220.000.000 đồng, vợ chồng bà yêu cầu ông M không tính lãi nữa và chỉ xin trả gốc là 220.000.000đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) nhưng do hoàn cảnh kinh tế của vợ chồng bà hiện nay rất khó khăn nên không có khả năng trả đủ số tiền nợ này mà để vợ chồng bà hẹn bán được đất hoặc thu được các tiền người khác nợ của bà thì vợ chồng bà sẽ trả đủ tiền nợ này cho ông M. Ngoài ra, bà D không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

*** Tại bản tự khai, tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bích E trình bày**: Bà là vợ của ông Nguyễn Văn M, bà thừa nhận có nhận của ông L số tiền 10.000.000đồng bằng hình thức ông L chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng S của bà số 070137948700 vào ngày 09/10/2024 là đúng sự thật nhưng số tiền này là ông L mượn riêng không có giấy tờ và số tiền này không liên quan đến số tiền 230.000.000đồng; tuy nhiên, bà Bích E không có chứng cứ chứng minh là ông L mượn riêng nên tại phiên tòa bà Bích E đồng ý khấu trừ vào số tiền nợ của chồng bà, sau khi tính tiền gốc và lãi thì vợ chồng ông L nợ ông M bao nhiêu thì có nghĩa vụ trả cho ông M. Bà thống nhất với lời trình bày của ông M, bà không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

*Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm***:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 92, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, 463, 466, Điều 468, 494, 496, 497 Bộ luật dân sự: Tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M buộc ông Bùi Thanh L, bà Ngô Thị D có nghĩa vụ trả cho ông M tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi 250.762.500 đồng (Trong đó, nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi 20.762.500 đồng) trả đủ một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M về việc tính lãi vượt quá quy định số tiền 117.737.500đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn M với ông Bùi Thanh L, bà Ngô Thị D là "Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản và hợp đồng vay tài sản". Bị đơn có

địa chỉ tại ấp Â, xã G, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân Khu vực 5 - An Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Ngô Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông P là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông M và ông L, bà D và bà Bích E thống nhất xác định: Trong năm 2024 ông L có đến gặp ông M mượn tiền 03 lần, cụ thể:

- Lần thứ nhất ngày 17/8/2024 mượn số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng), ông L hẹn trong 20 ngày trả;
- Lần thứ hai ngày 04/9/2024 mượn số tiền là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng), ông L hẹn 01 tháng trả;
- Lần thứ ba ngày 24/10/2024 mượn số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), ông L hẹn trong 02 tháng trả.

Tổng cộng 3 lần mượn đều có viết biên nhận mượn, ông L nợ ông M là 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), do hết thời gian mượn và ông M có yêu cầu vợ chồng ông L, bà D trả nợ nhiều lần nhưng ông L, bà D không trả nên ông M khởi kiện đến Tòa án.

Tại phiên tòa, ông M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà D phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và tính lãi bắt đầu từ ngày 24/12/2024 đến ngày xét xử ngày 18/6/2026 là 17 tháng 25 ngày bằng 230.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 17 tháng 25 ngày bằng 30.762.500đồng. Ông L nợ ông M tổng cộng gốc và lãi bằng 260.762.500đồng nhưng ông M đồng ý khấu trừ vào số tiền mà vợ ông đã nhận 10.000.000đồng nên ông L, bà D còn có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 250.762.500 đồng (Trong đó, nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi 20.762.500 đồng). Ông L, bà D thừa nhận có mượn của ông M tổng số tiền gốc 230.000.000đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) theo thời gian nêu trên là đúng sự thật nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông M là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của ông L, bà D thừa nhận có nợ ông M 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) nhưng yêu cầu Tòa án trừ vào số tiền 10.000.000 đồng còn lại vợ chồng ông đồng ý trả 220.000.000đồng (hai trăm hai mươi triệu đồng) nhưng do hoàn cảnh kinh tế của ông, bà hiện nay rất khó khăn nên không có khả năng trả đủ số tiền nợ này và ông, bà yêu cầu xin không trả lãi, còn thời gian trả nợ gốc thì ông L, bà D hẹn khi nào ông, bà bán được đất và thu được nợ của những người khác nợ vợ chồng ông, bà thì vợ chồng ông, bà sẽ trả đủ tiền nợ này cho ông M nhưng không hẹn thời gian chính xác. Tuy nhiên, yêu cầu xin không tính lãi và phương án trả nợ của vợ chồng ông L, bà D không được ông M đồng ý nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[4] Tại phiên tòa, ông M xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi vượt quá quy định số tiền 117.737.500đồng và ông M không yêu cầu vợ chồng ông L, bà D trả khoản tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng rút một phần yêu cầu

khởi kiện của ông M là hoàn toàn tự nguyện đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – An Giang về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 250.762.500đồng x 5% = 12.538.125đồng (Mười hai triệu năm trăm ba mươi tám ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) buộc ông L, bà D phải có nghĩa vụ nộp.

Yêu cầu của ông M được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà ông M đã nộp là 9.212.000đồng (Chín triệu hai trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009269 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 92, 147, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 466, Điều 468, 494, 496, 497 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

Buộc: ông Bùi Thanh L và bà Ngô Thị D phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn M số tiền 250.762.500 đồng (Hai trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi hai ngàn năm trăm đồng) (Trong đó, nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi 20.762.500 đồng).

Kể từ ngày ông M có đơn yêu cầu thi hành án mà ông L, bà D chưa trả đủ số tiền nêu trên thì ông L, bà D còn phải chịu lãi suất theo mức lãi quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông M về việc yêu cầu vợ chồng ông L, bà D phải trả số tiền lãi 117.737.500đồng (Một trăm mười bảy triệu bảy trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 12.538.125đồng (Mười hai triệu năm trăm ba mươi tám ngàn một trăm hai mươi lăm đồng) buộc ông L, bà D phải có nghĩa vụ nộp.

Yêu cầu của ông M được chấp nhận nên hoàn trả lại tiền tạm ứng phí mà ông M đã nộp là 9.212.000đồng (Chín triệu hai trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009269 ngày 19/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 18/6/2026. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều

7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS khu vực 5;
-Phòng THADS khu vực 5;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

Danh Thị Kiều Oanh